

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHỌN LUẬT ÁP DỤNG TRONG HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THEO CÔNG ƯỚC ROME 19/6/1980 VỀ LUẬT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG

Bùi Thị Thu\*

**T**rước xu thế phát triển mạnh mẽ của các quan hệ thương mại quốc tế trên phạm vi toàn cầu, pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế là một trong những vấn đề quan trọng được các quốc gia quan tâm, đây được coi là công cụ pháp lý phổ biến để thực hiện các giao dịch trong các quan hệ thương mại quốc tế.

Do tính chất đặc thù của hợp đồng quốc tế là loại hợp đồng có liên quan đến hai hay nhiều hệ thống pháp luật khác nhau, nên trong quá trình giao kết và thực hiện đã gây ra không ít những vấn đề pháp lý phức tạp. Đặc biệt, khi phát sinh các tranh chấp về hợp đồng trong lĩnh vực thương mại quốc tế, các bên trong tranh chấp thường lúng túng, không biết việc giải quyết các tranh chấp đó sẽ ra sao(?); hậu quả pháp lý như thế nào do không hiểu biết về hệ thống pháp luật sẽ được đem ra áp dụng để giải quyết tranh chấp(?).

Để giải quyết các khó khăn nói trên, các quốc gia không ngừng nỗ lực xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp đồng quốc tế để nhanh chóng hội nhập quốc tế, tìm được tiếng nói chung trong các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực hợp đồng thương mại quốc tế. Có thể nhận thấy phần lớn nguồn luật điều chỉnh các quan hệ pháp luật về hợp đồng quốc tế được hình thành bởi các quy phạm tập quán. Nhưng trước nhu cầu của quá trình thương mại toàn cầu, rất nhiều các quy định trong lĩnh vực này đã được pháp điển hóa và trở thành nguồn luật quan

trọng đảm bảo cho các giao dịch thương mại được thực hiện thuận lợi như Công ước Viên 1980 về mua bán hàng hóa quốc tế, Công ước Rome 1980 về luật áp dụng đối với nghĩa vụ hợp đồng...

Bài viết này sẽ tập trung đi vào tìm hiểu một số vấn đề pháp lý về việc chọn luật áp dụng điều chỉnh các quan hệ pháp luật về hợp đồng quốc tế theo Công ước Rome 19/6/1980, có hiệu lực ngày 1/4/1991 về luật áp dụng đối với quan hệ nghĩa vụ hợp đồng. Đây là một Điều ước quốc tế quan trọng được xây dựng trên cơ sở thống nhất các quy phạm xung đột của Tư pháp quốc tế trong lĩnh vực hợp đồng thương mại quốc tế. Công ước đã nhanh chóng được phê chuẩn bởi các nước thành viên của Liên minh châu Âu và trở thành nguồn luật thực định quan trọng điều chỉnh các vấn đề về luật áp dụng đối với quan hệ nghĩa vụ hợp đồng hiện nay.

## I. Sự cần thiết phải chọn luật áp dụng đối với các hợp đồng quốc tế

Về mặt nguyên tắc, các vấn đề lý luận chung của hợp đồng quốc tế phù hợp với lý luận về hợp đồng trong pháp luật quốc gia. Trong hệ thống pháp luật của nhiều nước, nguyên tắc *tự do ý chí*, tự do thỏa thuận là nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong pháp luật về hợp đồng. Pháp luật nhiều nước cũng thừa nhận hợp đồng là "*Luật giữa các bên*"<sup>1</sup> do vậy lời lẽ và các từ ngữ trong hợp đồng luôn tiềm ẩn sức mạnh ràng buộc trách nhiệm của các bên và nhằm "*bảo vệ mong*

\* Thạc sĩ Luật học, Khoa Pháp luật Quốc tế, Đại học Luật Hà Nội

<sup>1</sup> Droit du commerce international - Jean Michel Jacquet et Philippe Delebeque Dalloz 1999.

muốn giữa các bên”<sup>2</sup>. Tuy nhiên, nguyên tắc tự do ý chí trong hợp đồng cũng có giới hạn của nó, và pháp luật về hợp đồng của mỗi quốc gia sẽ vạch ra giới hạn đó. Do vậy, khi giao kết các hợp đồng quốc tế, các bên cũng cần biết giới hạn sự tự do thỏa thuận của mình như thế nào và cần căn cứ vào cơ sở pháp lý nào để xác định. Trên thực tế, mặc dù các bên có quyền tự do giao kết hợp đồng nhưng bản thân quyền tự do hợp đồng cũng luôn nằm trong khuôn khổ cho phép của pháp luật. Không có hợp đồng nào nằm ngoài một hệ thống pháp luật nhất định cả, nói cách khác “*hợp đồng luôn chịu sự điều chỉnh của một hệ thống pháp luật nhất định*”, và không tồn tại khái niệm “*hợp đồng không luật*”<sup>3</sup>.

Vì lý do đó, trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng các bên cần quan tâm hợp đồng giữa họ sẽ được chi phối, hoặc được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật nước nào (?).

Mặt khác, không có hợp đồng nào là hoàn hảo cả, vì sự thỏa thuận của các bên không phải lúc nào cũng lường trước mọi tình huống có thể phát sinh trong tương lai, do vậy nếu hợp đồng không quy định một vấn đề nào đó thì khi tranh chấp phát sinh, để giải quyết cần căn cứ vào hệ thống luật áp dụng cho hợp đồng đó.

Như vậy, mối quan hệ giữa pháp luật và hợp đồng là gì? Sự cần thiết của việc xác định luật áp dụng đối với hợp đồng vì thế được đặt ra với các bên ngay từ khi đàm phán thương lượng xây dựng hợp đồng và với các cơ quan tài phán khi có tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực hợp đồng quốc tế. Việc lựa chọn luật áp dụng đối với các hợp đồng quốc tế có ý nghĩa quan trọng vì những lý do sau:

**Thứ nhất**, đối với các bên tham gia giao kết hợp đồng: luật áp dụng có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm các quyền lợi chính đáng của họ, vì họ thường lựa chọn hệ thống pháp luật gắn gũi nhất với họ và họ hiểu rõ nhất về sự lựa chọn đó, còn đối với các cơ quan tài phán thì luật áp dụng đối với hợp đồng còn là cơ sở pháp lý để xem xét giá trị pháp lý của hợp đồng và giải quyết tranh chấp, vì nếu chỉ căn cứ vào hợp đồng thì trong nhiều trường hợp, hợp đồng không quy định hết mọi vấn đề có thể phát sinh trong quá trình thực hiện.

**Thứ hai**, việc chọn luật áp dụng đối với hợp đồng còn nhằm đảm bảo sự ổn định, tính thống nhất cho việc thực hiện các hợp đồng quốc tế, tránh sự thiếu hiểu biết lẫn nhau, gây bất đồng và tranh chấp. Đặc biệt, có thể coi luật áp dụng cho hợp đồng là một hành lang pháp lý an toàn, đảm bảo khả năng dự liệu trước được mọi tình huống có thể phát sinh trong tương lai, tránh rủi ro, thiệt hại đáng tiếc có thể xảy ra.

Như vậy, việc chọn luật áp dụng đối với các hợp đồng quốc tế có ý nghĩa hết sức quan trọng vì chỉ căn cứ vào luật áp dụng của hợp đồng đó mới xác định được liệu hợp đồng có giá trị pháp lý hay không.

Vậy việc chọn luật áp dụng được thực hiện như thế nào, trước hết cần tìm hiểu các nguyên tắc cơ bản của việc chọn luật áp dụng đối với các hợp đồng quốc tế.

## II. Nguyên tắc chọn luật áp dụng đối với các hợp đồng quốc tế

Từ cuối thế kỷ thứ XVI do ảnh hưởng của tư tưởng triết học của chủ nghĩa tự do, nguyên tắc tự do ý chí (principe d'autonomie) đã được thừa nhận trong pháp luật về hợp đồng và án lệ của các nước phương tây<sup>4</sup>. Nguyên tắc tự do hợp đồng đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy các giao dịch trong lĩnh vực thương mại quốc tế.

Nội dung của nguyên tắc này là các bên có toàn quyền trong việc đàm phán thỏa

<sup>2</sup> Droit international privé

<sup>3</sup> Le nouveau droit international privé des contrat après l'entree en vigueur de la convention de Rome du 19/6/1980. Paul Lagarde Professeure a L'Université de Paris I. Rev. crit. dr. internat. priv. 80 (2) 1991.

<sup>4</sup> Droit international privé

thuận tất cả mọi vấn đề có liên quan tới hợp đồng (tất nhiên là trừ một số trường hợp ngoại lệ). Do vậy, ngay cả vấn đề lựa chọn luật áp dụng để điều chỉnh quan hệ hợp đồng cũng do các bên tự do định đoạt. Đây được coi là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất, được hình thành từ một nguyên tắc tập quán trong thương mại quốc tế và nó được coi là “*nền tảng của trật tự kinh tế quốc tế mang tính cạnh tranh và và theo định hướng thị trường mở cửa*”<sup>5</sup>.

Nguyên tắc này cũng được ghi nhận trong Công ước Rome 1980 tại Điều 3 khoản 1: “*Hợp đồng được điều chỉnh bởi luật do các bên lựa chọn*”.

Việc chọn luật áp dụng đối với hợp đồng quốc tế có thể thực hiện theo hai cách thức hoặc do các bên trong hợp đồng tự thể hiện ý chí mong muốn lựa chọn một hệ thống pháp luật nào đó (có thể bằng một điều khoản trong hợp đồng) hoặc nếu các bên không chọn luật thì cơ quan tài phán (trọng tài) có thẩm quyền giải quyết tranh chấp sẽ là cơ quan chọn luật trên cơ sở các nguyên tắc chung của tư pháp quốc tế.

### 2.1. Trường hợp các bên lựa chọn luật áp dụng đối với hợp đồng

Trên cơ sở nguyên tắc “Tự do ý chí” ngay từ khi giao kết hợp đồng các bên có thể thể hiện ý chí của mình trong việc chọn luật áp dụng đối với hợp đồng theo một hình thức nhất định.

#### 2.1.1 Hình thức chọn luật áp dụng

Theo quy định tại Điều 3.1 đoạn 2 của Công ước thì việc lựa chọn luật áp dụng đối với hợp đồng phải được thực hiện một cách “*...rõ ràng trên cơ sở các điều khoản trong hợp đồng hoặc trong một tình huống thực tế*”. Như vậy, Công ước đã khẳng định nguyên tắc “tự do hợp đồng”, bằng việc cho phép các bên lựa chọn luật áp dụng đối với hợp đồng, ví dụ các bên có thể xây dựng một điều khoản mẫu trong hợp đồng như sau:

“*Trong hợp đồng này, mọi vấn đề liên quan đến hoặc phát sinh từ việc hình thành cũng như hiệu lực, giải thích và thực hiện hợp đồng sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật của...*”<sup>6</sup>.

Vậy luật áp dụng đối với hợp đồng điều chỉnh những vấn đề gì trong hợp đồng? Thông thường, với một điều khoản chọn luật như trên thì luật áp dụng cho hợp đồng sẽ điều chỉnh những vấn đề được quy định trong điều khoản đó. Ví dụ như các vấn đề về điều kiện hình thành hợp đồng (điều kiện về hình thức, về nội dung, về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng...), các vấn đề về hiệu lực, giải thích, quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng... Tuy nhiên cũng cần chú ý một điểm là việc lựa chọn luật áp dụng trong hợp đồng nói trên bởi các bên là chọn luật về nội dung, còn đối với luật hình thức thì do cơ quan tài phán quyết định lựa chọn theo các nguyên tắc của tư pháp quốc tế.

#### 2.1.2 Phạm vi chọn luật

Về nguyên tắc, các bên có thể lựa chọn bất cứ hệ thống pháp luật nước ngoài nào mà họ muốn với điều kiện hợp đồng đó không vi phạm các quy phạm mệnh lệnh (thuộc lĩnh vực trật tự công) của pháp luật quốc gia đó (Điều 3.3 Công ước Rome 1980 về luật áp dụng đối với hợp đồng quốc tế), và trừ một số trường hợp ngoại lệ khác. Ví dụ: pháp luật Việt Nam không thừa nhận giá trị pháp lý của các hợp đồng có liên quan đến việc mua bán phụ nữ, trẻ em...

Tuy nhiên, trong thực tiễn các bên thường lựa chọn hệ thống pháp luật có mối quan hệ với hợp đồng, hệ thống pháp luật mà họ am hiểu và gắn gũi với lợi ích của các bên. Về mặt nguyên tắc, trong hợp đồng quốc tế các bên có thể lựa chọn một trong các loại nguồn luật sau:

- Hệ thống pháp luật của một quốc gia: Luật nơi giao kết, hoặc nơi thực hiện hợp đồng, luật nơi một trong các bên có trụ sở chính...

<sup>5</sup> Nguyên tắc hợp đồng thương mại quốc tế - UNIDROIT

<sup>6</sup> Hợp đồng thương mại quốc tế - Nguyễn Trọng Đan.

- Điều ước quốc tế (ví dụ như chọn Công ước Viên 1980 về mua bán hàng hoá quốc tế)

- Tập quán quốc tế, nếu chúng được pháp luật của các bên công nhận giá trị pháp lý ( Ví dụ như INCOTERMS 2000).

Tuy nhiên, các bên có thể lựa chọn luật áp dụng là các quy định không thuộc hệ thống pháp luật quốc gia hay không (?), ví dụ như các quy định do các tổ chức tư tập hợp xây dựng như tập “Các nguyên tắc cơ bản về hợp đồng thương mại quốc tế” của UNIDROIT. Về vấn đề này Công ước không quy định, và có thể coi đây là trường hợp các bên không chọn luật áp dụng đối với hợp đồng (chúng ta sẽ xem xét ở phần sau).

### 2.1.3 Về thời điểm lựa chọn luật áp dụng

Cũng trên cơ sở nguyên tắc tự do hợp đồng, việc chọn luật áp dụng vào thời điểm nào cũng do các bên quyết định. Các bên có thể chọn luật áp dụng vào thời điểm giao kết hợp đồng bằng một điều khoản trong hợp đồng, hoặc có thể sửa đổi điều khoản đó trong hoặc sau quá trình thực hiện hợp đồng, họ cũng có thể thay đổi việc lựa chọn luật áp dụng bằng một hệ thống pháp luật khác so với sự lựa chọn ban đầu (Điều 3.2 Công ước Rome). Quy định này đã khẳng định thêm về quyền tự do cho các bên trong việc chọn luật áp dụng đối với hợp đồng, đảm bảo nguyên tắc “*hợp đồng luôn chịu sự chi phối, điều chỉnh của một hệ thống pháp luật nhất định*”.

Tuy nhiên cần lưu ý, nếu sau khi ký hợp đồng các bên mới chọn luật áp dụng, hoặc có sự thay đổi thì điều khoản luật áp dụng mới này vẫn có hiệu lực tính từ khi giao kết trừ hai trường hợp ngoại lệ:

- Nếu hợp đồng đã có hiệu lực về hình thức thì việc chọn hệ thống pháp luật khác phải không làm ảnh hưởng đến hiệu lực về hình thức của hợp đồng.

- Việc lựa chọn luật áp dụng mới không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên thứ ba.

### 2.1.4 Về việc lựa chọn đồng thời nhiều hệ thống pháp luật trong cùng một hợp đồng

Hợp đồng luôn là một thể thống nhất. Tuy nhiên, không phải mỗi hợp đồng thì chỉ có thể được điều chỉnh bởi một hệ thống pháp luật nhất định, do trong một hợp đồng, nhất là các hợp đồng quốc tế, các hợp đồng lớn, phức tạp luôn có sự đan xen nhiều nghĩa vụ nhỏ, hoặc là tổng hợp của nhiều hợp đồng nhỏ khác nhau. Theo quy định tại Điều 3.1 của Công ước, các bên có quyền chọn luật áp dụng đối với toàn bộ, hay một phần của hợp đồng. Nói cách khác, trong một hợp đồng các bên có thể lựa chọn hai hay nhiều hệ thống pháp luật khác nhau với điều kiện sự lựa chọn đó phải có sự thống nhất với nhau.

### 2.2 Trường hợp các bên không chọn luật áp dụng đối với hợp đồng

Đây là trường hợp khi một trong các bên không lựa chọn luật áp dụng đối với hợp đồng về mặt nội dung thì thẩm quyền chọn luật áp dụng để giải quyết các tranh chấp trong hợp đồng sẽ thuộc về các cơ quan tài phán (thông thường là thuộc các tổ chức trọng tài quốc tế).

Trong trường hợp các bên không lựa chọn luật áp dụng đối với hợp đồng, thì nguyên tắc chung được giải quyết theo quy định của Công ước là cơ quan tài phán sẽ áp dụng *luật nơi có mối quan hệ gần bó nhất đối với hợp đồng* (Điều 4.1) để xác định luật áp dụng về mặt nội dung đối với hợp đồng. Đây là nguyên tắc chung đã được thừa nhận trong hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới như trong pháp luật Hoa Kỳ và Cộng hoà Pháp... Nguyên tắc này được áp dụng trên cơ sở quan điểm cho rằng hợp đồng luôn là một thể thống nhất cho nên bao giờ nó cũng có mối quan hệ với một quốc gia nhất định<sup>7</sup>.

Tuy nhiên, “*khái niệm nơi hợp đồng có mối quan hệ gần bó*” là một khái niệm tương đối trừu tượng, và khái niệm này được Công ước quy định cụ thể tại Điều 4.2, đây là nơi

<sup>7</sup> L'entrer en vigueur de la convention de Rome du 19/6/1980 sur la loi applicable aux obligations contractuelles. Jacques Foyer J.D.I. 3,1991

*“...cư trú của bị đơn hoặc nơi có trụ sở chính của bên có nghĩa vụ chính trong hợp đồng”*.

Công ước không quy định thêm về việc xác định bên có nghĩa vụ chính trong hợp đồng, nhưng theo quy định của pháp luật quốc gia về hợp đồng thì tùy thuộc vào từng loại hợp đồng để xác định luật áp dụng cho hợp đồng đó. Ví dụ như trong hợp đồng mua bán hàng hoá thì áp dụng luật nước người bán; Hợp đồng bảo hiểm thì áp dụng luật nước bên bảo hiểm; Hợp đồng vận tải thì áp dụng luật của bên vận tải; Hợp đồng cho vay thì áp dụng luật của bên cho vay...

Đặc biệt, Công ước cũng cho phép trong trường hợp ngoại lệ *“nếu một trong các bên trong hợp đồng có mối quan hệ gắn bó với một quốc gia khác thì cũng có thể áp dụng hệ thống pháp luật của quốc gia này”*, nhưng với điều kiện việc áp dụng đó không làm phá vỡ tính thống nhất của hợp đồng.

### Kết luận

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế, đang đứng trước nhiều khó khăn thử thách của quá trình phát triển, trong thời gian qua, hệ thống pháp luật trong lĩnh vực thương mại quốc tế không ngừng được xây dựng và hoàn thiện nhằm đáp ứng được nhu cầu đặt ra của quá trình toàn cầu hoá. Tuy nhiên, có thể nhận thấy hệ thống pháp luật trong lĩnh vực thương mại quốc tế của Việt Nam còn thiếu, chưa đầy đủ và chưa phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, nhất là trong lĩnh vực pháp luật về hợp đồng. Vừa qua, nhiều văn bản pháp luật mới đã được ban hành hoặc sửa đổi bổ sung như Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật Thương mại 2005... nhằm dần tiến tới phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hội nhập, thúc đẩy các quan hệ quốc tế trên mọi lĩnh vực, thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước. Hy vọng rằng với những thông tin tìm hiểu pháp luật quốc tế trên đây sẽ có ý nghĩa tham khảo cho các cơ quan lập pháp và các nhà nghiên cứu, các thương nhân đang và sẽ tham gia các giao dịch trong lĩnh vực thương mại quốc tế.

### *(Tiếp theo trang 36 – Về trường hợp ...)*

thể thống nhất, hữu cơ và chặt chẽ của hai mặt đối lập của một vấn đề (hành vi đưa và nhận). Do đó, nếu chúng ta muốn hiện tượng tiêu cực này mất đi trong xã hội hoặc chỉ ít chi còn là hiện tượng cá biệt trong xã hội thì *“không thể loại trừ một mặt nào đó mà phải tiến hành đồng thời việc đấu tranh loại trừ cả hai hành vi đưa và hành vi nhận hối lộ”*<sup>8</sup>. Tuy vậy, khi xem xét từng vụ án cụ thể cũng cần có chính sách nhân đạo, khoan hồng (cụ thể ở đây là miễn trách nhiệm hình sự) đối

với trường hợp người đưa hối lộ vì một lý do đặc biệt không thể tự giải quyết được mà phải đưa hối lộ theo yêu cầu của người có chức vụ, quyền hạn, đồng thời khi họ có nhân thân tốt, thực sự ăn năn hối cải và mong muốn sửa chữa sai lầm, cũng như góp phần tích cực trong việc tố giác người có chức vụ, quyền hạn nhận hối lộ trước khi bị phát giác, thì điều đó cũng thể hiện rất rõ trách nhiệm công dân của bản thân họ trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm – nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và toàn xã hội, cho nên việc miễn trách nhiệm hình sự cho họ là hoàn toàn phù hợp và có ý nghĩa thiết thực.

<sup>8</sup> Xem thêm: *Thu Trang*. Đưa hối lộ: Trị thật nghiêm nhưng... (dã dẫn), tr. 7.